

Số: /QĐ-TTLTLS

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung kinh phí năm 2025 để thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LƯU TRỮ LỊCH SỬ TỈNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính, hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh trực thuộc Sở Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 5681/QĐ-SNV ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Sở Nội vụ về việc bổ sung kinh phí năm 2025 để thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai kinh phí bổ sung năm 2025 của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh để thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Thu thập, Chính lý và Bảo quản tài liệu, Trưởng phòng Chuyển đổi số và Phát huy giá trị tài liệu, viên chức, người lao động của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Nội vụ (báo cáo);
- Lãnh đạo Trung tâm;
- VCNLĐ Trung tâm;
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC

Lâm Trường Định

PHỤ LỤC
BỔ SUNG DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTLTLS ngày / 2025 của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Mã ĐVSDNS	Mã Nguồn NSNN	Mã ngành KT	Tổng số kinh phí
	DỰ TOÁN CHI NSNN				2.573.479.350
1	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ				2.573.479.350
1.1	Dự toán được giao				2.573.479.350
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				2.573.479.350
	+ Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP	1085165	23	338	2.573.479.350
1.2	Dự toán ngân sách giữ lại theo quy định				
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				
1.3	Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm				2.573.479.350
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				2.573.479.350
	+ Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP	1085165	23	338	2.573.479.350
1.4	Dự toán phân bổ đơn vị được rút KBNN kỳ này				2.573.479.350
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				2.573.479.350
	+ Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP	1085165	23	338	2.573.479.350
2	CHI SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO				
2.1	Dự toán được giao				
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ				

STT	Nội dung	Mã ĐVSĐNS	Mã Nguồn NSNN	Mã ngành KT	Tổng số kinh phí
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				
2.2	Dự toán ngân sách giữ lại theo quy định				
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				
2.3	Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm				
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				
2.4	Dự toán phân bổ đơn vị được rút KBNN kỳ này				
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				
3	CHI SỰ NGHIỆP BẢO ĐẢM XÃ HỘI				
3.1	Dự toán được giao				
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				
3.2	Dự toán ngân sách giữ lại theo quy định				
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				
3.3	Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm				
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				
3.4	Dự toán phân bổ đơn vị được rút KBNN kỳ này				
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				